

Số : 413/YCBG- BVĐK

Bình Lư, ngày 21 tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Tam Đường, tỉnh Lai Châu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm, lắp đặt thiết bị y tế năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Tam Đường, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tam Đường;
- Địa chỉ: Số 04 đường Võ Nguyên Giáp – Xã Bình Lư – Tỉnh Lai Châu.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
- Họ và tên: Đỗ Xuân Thành - Khoa Dược
- SĐT:0384.018.888
- Địa chỉ email: Xuanthanhtamduonglc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản báo giá /biểu báo giá ghi đầy đủ các thông tin theo danh mục yêu cầu (*Phụ lục 02 - Mẫu báo giá*) phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương. Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa, catalogue của nhà sản xuất (bản dịch đối với thiết bị y tế nhập khẩu).

- Nhận trực tiếp bản gốc tại địa chỉ: Khoa Dược- Bệnh viện Đa khoa Tam Đường tại địa chỉ Số 04 đường Võ Nguyên Giáp – Xã Bình Lư – Tỉnh Lai Châu.

- Điện thoại: 0384.018.888

- Nhận qua email tới địa chỉ hòm thư: Xuanthanhtamduonglc@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 22 tháng 5 năm 2026 đến trước 17h ngày 31 tháng 5 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa cho Bệnh viện Đa khoa Tam Đường năm 2026.

(Có danh mục Phụ lục 1 chi tiết kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại Bệnh viện Đa khoa Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo điều kiện cụ thể của hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có): Theo phụ lục 01.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc;
- Đăng tải Trang thông tin điện tử BVĐKTD
- Đăng tải Trang Muasamcong.mpi.gov.vn
- Lưu VT, Dược.

GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Ngọc

Phụ lục 01

(kèm theo Yêu cầu báo giá số: 413/YCBG- BVĐK, ngày 21/5/2026 của
Bệnh viện Đa khoa Tam Đường)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
1	Lồng ấp trẻ sơ sinh	<p>I. THÔNG TIN YÊU CẦU CHUNG</p> <p>Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, mới 100%</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE...</p> <p>Điện áp sử dụng: 220 VAC ($\pm 10\%$) 50/60 Hz</p> <p>Điều kiện môi trường hoạt động: <i>Nhiệt độ hoạt động: 20°C - 30°C</i></p> <p><i>Độ ẩm hoạt động: 10 – 95%, không ngưng tụ</i></p> <p>I. YÊU CẦU CẤU HÌNH</p> <p>Lồng ấp trẻ sơ sinh kèm phụ kiện tiêu chuẩn, tối thiểu bao gồm:</p> <p>Máy chính kèm màn hình cảm ứng 7inch và bộ đỡ máy có 04 bánh xe di chuyển: 01 bộ</p> <p>Cảm biến nhiệt độ da: 01 cái Lọc khí 0.5 micron: 01 cái Đệm: 01 cái Nắp cửa: 01 bộ Bộ phận làm ẩm: 01 bộ Khay giường: 01 cái Cọc truyền dịch: 01 cái</p> <p>Giá để monitor theo dõi bệnh nhân: 01 cái</p> <p>Monitor 5 thông số: 01 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ</p> <p>I. ĐẶC TÍNH NĂNG & THÔNG SỐ KỸ THUẬT</p> <p>Đặc điểm cơ học</p> <ul style="list-style-type: none">- Chiều cao của lồng ấp: 1376 mm + 200mm- Chiều cao tổng thể với khay màn hình / cọc truyền dịch: 1626 mm + 200mm / 1686 mm + 400 mm	1	Cái

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao giường 993 mm + 200mm - Chiều rộng: 1051 mm - Chiều sâu: 639 mm - Kích thước nệm: 387 x 630 x 30 mm - Tải trọng tối đa cho trẻ sơ sinh: 10 kg (Khi giường mở, 5 kg) - Chiều cao lồng chính: 500 mm - Chiều rộng lồng chính bên trong là: 840mm - Chiều sâu lồng chính bên trong: 458 mm - Góc nghiêng đệm tối đa: $\pm 12^\circ$ - Cơ chế nghiêng: điều chỉnh bằng cơ học - Loại màn hình và kích thước: 7 "Màn hình màu LCD cảm ứng - Nghiêng lồng chính: Lồng chính có thể trượt mở ra lên đến $\frac{3}{4}$ chiều rộng tối đa của lồng - Số cửa thao tác: Tổng cộng 4 cửa trước/sau và 2 cửa ở hai bên - Số lượng cửa chăm sóc: 2 cửa mở 2 bên - Nghiêng và có thể khóa lồng chính: Có - Bộ lọc khí: Loại dùng 1 lần, 5μm - Tủ đựng đồ: 1 tủ và 2 ngăn kéo - Bánh xe: 4 bánh với khóa hãm - Đường kính bánh xe: 125mm - Kích thước khay X quang: 396 x 256 mm - Trọng lượng (cấu hình cơ bản): 127.5kg <p>Các thông số khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao diện người dùng: Màn hình cảm ứng LCD và Nút xoay - Thông số hiển thị trong đồ thị xu hướng: Nhiệt độ không khí, nhiệt độ da số 1, độ ẩm, nồng độ Oxy - Khung thời gian theo dõi xu hướng: 15 phút, 30 phút, 45 phút, 1h, 2h, 4h, 6h, 12h 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu xu hướng có thể lưu trữ: Nhiệt độ da số 1 và số 2, nhiệt độ không khí, độ ẩm, nồng độ Oxy, cân nặng - Thời gian lưu trữ dữ liệu hiển thị: 2h, 3h, 6h, 8h, 12h, 24h, 48h, 7 ngày - Hệ thống kiểm soát nhiệt độ đích: Có - Hệ thống cân thông minh: Có (tùy chọn) - Lịch sử lỗi: Các dữ liệu ghi lại bằng cảm biến khi xảy ra lỗi có thể được dùng để khắc phục sự cố - Chế độ chờ: Có - Tỷ lệ phần trăm công suất thanh gia nhiệt: Hiển thị với mức tăng 10% - Thời gian làm ấm: <35 phút. Từ 22°C lên 33°C (ở nhiệt độ môi trường 22°C) - Tốc độ dòng khí qua đệm : <0.1 m/s, <10cm/s - Áp lực Oxy đầu vào: tối thiểu 300 kPa, tối đa 500 kPa - Nồng độ CO2 tối đa: <0.5% thể tích - Thể tích khí lưu thông: <=30L/phút - Mức tăng nồng độ Oxy: Từ 21% đến 60% trong tối thiểu 10 phút - Kháng định >37°C: Có <p>Thông số kỹ thuật cảm biến nhiệt độ da</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến nhiệt độ da: Loại NTC đơn - Phạm vi đo của cảm biến nhiệt độ da: 18.2°C - 45°C - Phạm vi theo dõi nhiệt độ da: 18.2°C - 45°C - Độ phân giải theo dõi nhiệt độ da: 0.1°C - Độ chính xác đo nhiệt độ da: ± 0.2°C - Khoảng cài đặt nhiệt độ da: 34°C-38°C - Cảm biến nhiệt độ thứ hai: Có 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>Thông số kỹ thuật cảm biến nhiệt độ không khí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại cảm biến nhiệt độ không khí: Loại NTC đôi - Phạm vi đo cảm biến nhiệt độ không khí: 18.2°C - 50°C - Phạm vi giám sát nhiệt độ không khí: 18.2°C - 50°C - Độ phân giải giám sát nhiệt độ không khí: 0.1°C - Độ chính xác đo nhiệt độ không khí: $\pm 0.2^\circ\text{C}$ - Khoảng cài đặt nhiệt độ không khí: 20°C - 39°C <p>Thông số kỹ thuật cảm biến độ ẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến nằm bên trong mô-đun cảm biến Oxy/độ ẩm, nằm ở góc phía trên bên phải của cửa lồng áp - Phạm vi đo cảm biến độ ẩm: 0-100% - Phạm vi giám sát độ ẩm tương đối: 18-95% - Độ phân giải theo dõi độ ẩm tương đối: 1% - Độ chính xác đo độ ẩm: $\pm 1.8\%$ <p>Khoảng cài đặt độ ẩm: 30-95%</p> <p>Tính năng điều khiển độ ẩm tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại nước dùng: nước cất - Dung tích bình chứa: 1.8L - Cảnh báo mức nước không đủ: Có - Bình chứa nước có thể hấp tiệt trùng: Có <p>Thông tin báo động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lỗi cảm biến không khí: Âm thanh báo động liên tục - Lỗi cảm biến da số 1, 2: Âm thanh báo động bị tắt trong 5 phút - Mức nước thấp, Tắt hệ thống tạo độ ẩm: Âm thanh báo động bị tắt - Nồng độ Oxy cao, Nồng độ Oxy thấp: Âm thanh báo động sẽ tắt trong 5 phút 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ da cao, Nhiệt độ da thấp: Âm thanh báo động sẽ tắt trong 5 phút - Nhiệt độ không khí cao, Nhiệt độ không khí thấp: Âm thanh báo động sẽ tắt trong 15 phút - Độ ẩm cao, Độ ẩm thấp: Âm thanh báo động bị tắt trong 30 phút <p>Giới hạn báo động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới hạn báo động nhiệt độ không khí $\pm 0,5^{\circ}\text{C}$, $\pm 1,0^{\circ}\text{C}$, $\pm 1,5^{\circ}\text{C}$ - Giới hạn báo động nhiệt độ da $\pm 0,3^{\circ}\text{C}$, $\pm 0,5^{\circ}\text{C}$, $\pm 1,0^{\circ}\text{C}$ - Giới hạn báo động bộ ẩm tự động $\pm 5\%$, $\pm 10\%$, $\pm 15\%$ - Giới hạn báo động bộ điều khiển nồng độ Oxy $\pm 3\%$, $\pm 5\%$ <p>Monitor 5 thông số Đặc điểm hiển thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình LCD TFT 15,6 inch (Có thể lựa chọn thêm màn hình cảm ứng) - Độ phân giải: 1366x768 - Hiển thị được 12 sóng cùng lúc <p>Các thông số theo dõi</p> <p>■ ECG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu đạo trình: Lựa chọn 3/5/12 đạo trình - Dạng sóng hiển thị: 2 kênh, 7 kênh, 12 kênh - Chọn độ nhạy: 2.5mm/mV, 5mm/mV, 10mm/Mv, 20 mm/mV - Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50mm/s - Bảng thông - Chế độ chẩn đoán: 0,05 Hz ~ 100 Hz - Chế độ màn hình: 0,5 Hz ~ 40 Hz - Chế độ Phẫu thuật: 1Hz ~ 20Hz - Lọc: 5 Hz ~ 20Hz - CMRR > 100dB <p>■ RESP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Đo trở kháng qua lồng ngực - Đạo trình đo: I, II - Tăng sóng: $\times 0,25$, $\times 0,5$, $\times 1$, $\times 2$ 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi an toàn trở kháng hô hấp: 0,5-5Ω - Trở kháng cơ bản: 500-4000Ω - Gain: 10 điểm - Tốc độ quét: 6,25 mm / s, 12,5 m ■ NIBP - Phương pháp đo: Tự động - Chế độ đo: người lớn, trẻ em, sơ sinh - Chế độ đo: tự động, bằng tay, liên tục - Độ phân giải: 1mmHg - Lỗi trung bình tối đa: ± 5 mmHg - Độ lệch chuẩn tối đa: 8 mmHg - Điều chỉnh thời gian đo (Interval): 1, 3, 4, 5, 10, 15, 30, 60, 90, 120, 180, 240, 480 phút - Dải áp suất: 0-280mmHg - Dải đo: + Áp suất tâm thu (mmHg): Người lớn 40-270, trẻ em: 40-200, trẻ sơ sinh: 40-135 + Áp suất tâm trương (mmHg): Người lớn 10-210, trẻ em: 10-150, trẻ sơ sinh: 10-95 + Áp suất trung bình(mmHg): Người lớn 20-230, trẻ em: 20-165, trẻ sơ sinh: 20-105 - Đo lường độ chính xác - Sai số trung bình tối đa: ± 5 mmHg - Độ lệch chuẩn tối đa: 8 mmHg - Độ phân giải: 1 mmHg - Khoảng thời gian: 1, 2, 3, 4, 5, 10, 15, 30, 60, 90, 120, 180, 240, 480 phút - Dải áp suất: 0-280 mmHg 		
2	Máy điện xung, điện phân	<p>I. Yêu cầu chung Năm sản xuất: 2025 trở về sau Chất lượng: thiết bị mới 100%, Nhà sản xuất phải có giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ môi trường 10oC đến +30 oC - Độ ẩm từ 10% đến 80% - Áp suất không khí từ 500 hPa đến 1060 hPa <p>II. Yêu cầu cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 chiếc - Cáp điện cực: 02 bộ - Điện cực bệnh nhân: 04 chiếc 	1	Cái

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>Tài liệu HSĐSD: 01 bộ</p> <p>III. Tính năng và thông số kỹ thuật</p> <p>1. <u>Chỉ định tham khảo:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng dinh dưỡng tổ chức, kích thích thích quá trình tái sinh. - Giảm đau từng điểm, giảm đau tại vùng do rối loạn tuần hoàn ngoại vi cục bộ, chấn thương, co cứng cơ... - Giảm đau khớp, đau lưng - Chống viêm, làm lành vết thương - Điều hoà hoạt động thần kinh trung ương, kích thích thần kinh ngoại vi. - Một số bệnh liên quan thần kinh - vận mạch, loạn dưỡng Sudeck, bệnh Buerger, Raynaud. - Teo cơ, giảm sức cơ, bại liệt, kích thích cơ trơn bị liệt, đại tiểu tiện mất tự chủ - Điều trị bằng phản xạ. - Điện phân thuốc tại chỗ. <p>1. <u>Thông số kỹ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có còi và đèn thông báo khi kết thúc - Chương trình điều trị: Chương trình điều trị bằng dòng điện kích thích - 2 chế độ điều trị: CC/ CV - Chương trình điều trị cài đặt sẵn: ≥13 chương trình - Ngôn ngữ vận hành: Tiếng Việt, Tiếng anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Italia - Dùng trên 3 tần số: 2 kHz, 4 kHz and 8 kHz - Dòng điện không đổi từ 0-100 mA hoặc 0-70/140 V tùy thuộc vào chế độ sử dụng - Hệ thống kiểm soát tự động: Ngăn cách biệt giữa các kênh ra - Chương trình lưu trữ chương trình điều trị riêng cho người sử dụng: 16 bộ nhớ trống - Có thể nâng cấp thêm module giác hút (Chọn thêm) - Có thể nâng cấp thêm module pin sạc di động (Chọn thêm) <p><u>Điện áp nguồn: sử dụng adaptor</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện sử dụng: 100 - 240VAC; 50/60 Hz - Công suất ngõ vào: 60W - Nguồn vận hành: DC 18V - Kích thước máy: 333 x 237 x 100 mm 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<ul style="list-style-type: none"> - Trọng lượng máy: 1.3 Kg - Điều khiển máy: Màn hình màu cảm ứng - Thư viện Phác đồ điều trị tham khảo: 14 chương trình <p><u>Điện trị liệu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số kênh điện xung điều trị: 02 kênh - Thời gian điều trị: 1 - 30 phút - Các dòng kích thích: <ul style="list-style-type: none"> √ Interferential (2 cực & 4 cực) √ Diadynamic √ TENS √ Sinusoidal √ Galvanic √ Interrupted Galvanic √ Faradic √ Trabert √ Medi-Wave √ Russian √ Microcurrent. 		
3	Giường sưởi ấm sơ sinh	<p>I. Yêu cầu chung Thiết bị mới 100% Năm sản xuất: Từ năm 2025 trở đi Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Điện thế: 220VAC 50Hz</p> <p>II. Yêu cầu cấu hình Thân máy chính di chuyển bằng chân đế với 04 bánh xe kép có khoá: 01 máy Giường hồi sức nâng hạ dùng cho trẻ sơ sinh có trọng lượng ≤ 40kg: 01 bộ Sensor đo nhiệt độ da cho trẻ: 01 chiếc Sensor đo nhiệt độ môi trường: 01 chiếc Bóng đèn chiếu vàng da LED royal blue: 16 bóng đầu chiếu trên; 12 cụm bóng (36 nhân) đầu chiếu dưới Đèn chiếu sáng hỗ trợ điều trị: 06 bóng Móc treo dây truyền dịch: 01 chiếc Đệm nằm cho trẻ: 01 chiếc Thanh đốt sưởi: 01 chiếc</p>	1	Cái

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>Dây điện nguồn: 01 chiếc Hộp điều khiển điện tử: 02 Khay để dụng cụ/đồ dùng: 01 Trục xoay: 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng máy: 01 bộ Bịt mắt trẻ em: 01 chiếc</p> <p>III. Tính năng và thông số kỹ thuật</p> <p>Giường hỗ trợ hồi sức cho trẻ sơ sinh BB.TIME là giường hỗ trợ điều trị sản/nhi trang bị các chức năng sưởi, chiếu vàng da kép (trên và dưới) và giường (nâng hạ góc 12⁰) dùng trong điều trị hồi sức cấp cứu nhi. Giường được trang bị chế độ kiểm soát nhiệt độ tự động, thông minh. Đèn chiếu vàng da được trang bị theo công nghệ LED-ROYAL BLUE giúp tăng cường độ ánh sáng, tăng tuổi thọ lên mức tối đa. Chức năng chiếu vàng da được hỗ trợ bằng đồng hồ đo, giám sát thời gian chiếu đèn. Thiết kế của máy gọn, nhẹ giúp di chuyển linh hoạt, tháo lắp vệ sinh dễ dàng.</p> <p><u>1. Yêu cầu chung về chức năng :</u></p> <p>Ứng dụng vi xử lý và kỹ thuật số để kiểm soát, cài đặt thông số, báo động và hiển thị ;</p> <p>Có thể điều chỉnh mở nôi giường 3 mặt, xoay đầu sưởi/chiếu đèn để hỗ trợ chụp X-Quang</p> <p>Điều chỉnh nâng hạ nôi góc nghiêng 12⁰</p> <p>Điều chỉnh đầu chiếu vàng da/sưởi góc xoay 180^o</p> <p>Chiếu vàng da kép trên và dưới;</p> <p>Lựa chọn chế độ chiếu vàng da độc lập trên/dưới hoặc chiếu đồng thời;</p> <p>Điều chỉnh tăng giảm cường độ đèn chiếu vàng da cùng đồng hồ hiển thị thời gian chiếu;</p> <p>Điều chỉnh chủ động nhiệt độ cài đặt, nhiệt độ sưởi tiếp xúc da bệnh nhi;</p> <p>Tự động điều chỉnh năng lượng sưởi ấm theo sự thay đổi thân nhiệt của trẻ và nhiệt độ môi trường ;</p> <p>Miếng bọc sensor đầu nhiệt không hấp thụ nhiệt bức xạ ;</p> <p>Bộ phát năng lượng sưởi ấm là thanh đốt nhiệt có thể thay thế;</p>		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>Báo động bằng âm thanh và ánh sáng.</p> <p>Đệm sử dụng được chế tạo bởi loại vật liệu cách nhiệt.</p> <p>Giường sơ sinh được thiết kế ở vị trí trung tâm máy, rất tiện cho y tá thao tác tháo lắp, di chuyển.</p> <p>Mica trong suốt giúp quan sát dễ dàng bệnh nhi từ xa. Góc khỏe, linh hoạt giúp nâng hạ thành nhẹ nhàng.</p> <p>2. <u>Điều khiển và hiển thị</u></p> <p><u>Hiển thị:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ đặt; - Nhiệt độ chỉ số sensor nhiệt độ sưởi. - Nhiệt độ môi trường; - Mức năng lượng sưởi ấm; - Thời gian chiếu đèn điều trị . <p><u>Báo động bằng âm thanh:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ bệnh nhi cao từ 39⁰C trở lên - Nhiệt độ bệnh nhi cao hơn giá trị đặt từ 0.3⁰C trở lên - Cảm biến có sự cố (đứt dây, tuột, hư hỏng theo bất kỳ cách nào); <p>Thông số kỹ thuật</p> <p>Kích thước: (mm)</p> <p>Kích thước tổng thể: 700x700x1650 mm (Dài x Rộng x Cao)</p> <p>Kích thước đầu đèn chiếu vàng da trên: 460x225x110mm (DxRx C)</p> <p>Kích thước đầu chiếu vàng da dưới: 250x350x20 (mm)</p> <p>Kích thước máng sưởi: 450x140x100 mm (DxRx C)</p> <p>Kích thước Giường: 600x600x1170 mm (Dài x Rộng x Cao)</p> <p>Điều chỉnh độ cao đầu sưởi và đèn chiếu: Từ 1450 đến 1650 (Khoảng điều chỉnh 200 mm)</p> <p>Góc nâng: 12 Độ</p> <p>Bóng đèn chiếu vàng da:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 16 bóng đèn LED ROYAL BLUE màu xanh loại 3W) 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>- 12 cụm bóng đèn LED ROYAL BLUE màu xanh (36 bóng, mỗi bóng 1W)</p> <p>Tuổi thọ bóng đèn LED: 50,000 giờ sử dụng</p> <p>Dải bước sóng: Dải tổng 400-500 nm</p> <p>Bóng chiếu sáng hỗ trợ điều trị: 06 bóng LED 1w</p> <p>Chỉ số đo lường sưởi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ phân giải hiển thị: 0.1°C - Độ phân giải đo lường: 0.125°C <p>- Các thông số đo: nhiệt độ môi trường, nhiệt độ đầu dò (cảm biến) giường sưởi.</p> <p>Dải đo sưởi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ đo của Sưởi: 0 - 40°C - Nhiệt độ đặt: 32 - 39°C <p>- Các thông số đo: nhiệt độ môi trường, nhiệt độ đầu dò (cảm biến).</p> <p>Điều khiển chức năng sưởi: Điều khiển nhiệt độ giường sưởi tỷ lệ căn cứ theo nhiệt độ đặt và nhiệt độ môi trường, đảm bảo an toàn bằng nhiệt độ đầu dò giường sưởi.</p> <p>Thanh đốt sưởi: 220VAC và ≥ 300 W</p> <p>Diện tích bề mặt điều trị chiếu vàng da và sưởi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn chiếu trên: 600 x 520 mm (DxR) tại khoảng cách 700 mm tính từ máng đèn tới bệnh nhi. - <u>Đèn chiếu dưới</u>: 250x350 - <u>Sưởi</u>: 800 x 600 mm (DxR) tại khoảng cách 700 mm tính từ máng sưởi tới bệnh nhi <p>Bánh xe: Bộ chân 4 bánh xe y tế kép có khóa đi kèm theo.</p> <p>Trọng lượng: 40 kg</p> <p>Môi trường làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ từ 0 đến 40°C - Độ ẩm: từ 0% đến 99%, không có hơi nước ngưng tụ <p>Độ cao hoạt động: 0 – 5000m so với mực nước biển</p> <p>Công suất tiêu thụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn chiếu vàng da trên: không quá 50W - Đèn chiếu vàng da dưới: không quá 50W 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>- Sưởi: 450W (có thể tùy chỉnh) Điện thế: 220VAC 50Hz</p> <p>Phụ kiện kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ bảo vệ mắt trẻ sơ sinh, - Cảm biến đo nhiệt độ 		
4	Hệ thống nội soi tai mũi họng	<p>I. Yêu cầu chung Thiết bị mới 100% Năm sản xuất: Từ năm 2025 trở đi Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485</p> <p>II. Yêu cầu cấu hình Camera nội soi: 01 Bộ xử lý hình ảnh: 01 Nguồn sáng y tế: 01 Dây dẫn sáng: 01 Ống nội soi: 02 Màn hình hiển thị: 01 Xe đẩy: 01</p> <p>III. Tính năng và thông số kỹ thuật</p> <p>Tính năng Camera thiết kế thon gọn, cảm biến độ phân giải FULL HD cho hình ảnh sắc nét. 4 cổng ra HDMI kết nối 2 màn hình và máy tính hiển thị hình ảnh cùng lúc. Cân bằng màu sắc tự động. Tính năng phóng to hình ảnh hữu ích với ống soi đường kính nhỏ. Chụp 1 hình, truyền hình ảnh nội soi sang máy tính, máy in giúp giảm thao tác & nhân lực hỗ trợ. Nguồn sáng LED công suất lớn, có thấu kính tụ sáng, hỗ trợ quan sát mạch máu dưới niêm mạc tốt hơn, ảnh nội soi trong hơn.</p> <p>Thông số kỹ thuật Full HD, dừng hình trên camera</p> <p>Camera HD-1000</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến 1/2.8" SONY CMOS - Độ phân giải: 1920 x 1080 pixels - Chức năng phóng to thu nhỏ hình ảnh và chụp 1 hình <p>Bộ xử lý hình ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: AC220V/50Hz - Công suất tiêu thụ: 60W - Video out : 4 cổng HDMI, 1 cổng AV 	1	Hệ Thống

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng cân bằng trắng - Chức năng phóng to thu nhỏ hình ảnh - Chức năng chụp 1 hình, lật gương - 5 nút điều hướng vào menu OSD tùy chỉnh - Chức năng điều chỉnh tăng màu - Chức năng lấy nét theo điểm hoặc toàn vùng soi <p>Nguồn sáng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện 220V/50Hz - Công suất tiêu thụ: 80W - Kiểu bóng: LED - Nhiệt độ màu: 6500K - Chức năng hiển thị cường độ sáng - Chức năng điều chỉnh cường độ sáng - Chức năng hiển thị mức 80% sáng khi bật - Tuổi thọ bóng: ~50,000 giờ - Chuẩn đầu cắm sáng: Storz /Wolf <p>Dây dẫn sáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài ~2m - Đường kính ống dẫn 4mm - Đường kính ngoài 10mm - Có miếng chống nóng <p>Ống Soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống nội soi 70° PR-202: Kích thước: Ø4mm x 175 mm - Ống nội soi 0° PR-201: Kích thước: Ø 4mm x 175 mm <p>Xe đẩy MT-1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cột trụ bằng nhôm đúc áp lực sơn tĩnh điện. - Bánh xe Ø 75 - Đợt để máy có lỗ cài chân điều chỉnh được lên-xuống - Thùng để đồ có ngăn kéo điều chỉnh được lên-xuống - Tay treo camera chống xước - Treo màn hình điều chỉnh lên/xuống <p>Màn hình nội soi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước màn hình: 24 inch - Độ phân giải: 1920 x 1080 - Độ sáng: 250 cd/m² - Tín hiệu vào video: HDMI 		
5	Giường cấp cứu nhi	<p>I. Yêu cầu chung</p> <p>Sản phẩm mới 100%</p> <p>Năm sản xuất: 2025</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE</p>	1	Cái

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>II. Yêu cầu cấu hình Giường chính: 01 Nệm: 01 Bộ điều khiển cảm tay: 01 Cây treo truyền dịch: 01 Móc treo túi đựng nước tiểu: 01 Tài liệu HDSD: 01 Monitor 5 thông số: 01</p> <p>III. Tính năng và thông số kỹ thuật</p> <p>Tính năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giường được thiết kế với khả năng điều chỉnh được nhiều tư thế khác nhau như: tựa lưng, tựa chân, nâng gối, điều chỉnh độ cao lên - xuống, tư thế Trendelenburg,... với động cơ điện tử Điều chỉnh Nâng/hạ chiều cao giường Điều chỉnh tư thế Trendelenburg Điều chỉnh tư thế Trendelenburg ngược Điều chỉnh nâng gối/tựa chân/ tựa lưng - Chỉnh vị được các tư thế dành cho bệnh nhân như tư thế Fowler và tư thế vascular. - Có thể bộ điều khiển bằng tay. - Điều chỉnh đầu gối với cơ chế chậm, từ từ. - Bảng đầu và chân giường được làm bằng nhôm và HPL. - 4 lan can làm bằng nhôm và HPL. - Bề mặt giường bằng kim loại. - Bánh xe di chuyển 360° với hệ thống phanh tuyến tính (125 mm). - Cây truyền dịch có thể điều chỉnh chiều cao. - Có hệ thống phanh trung tâm. - Các lan can có thể gấp lại với khóa bảo vệ. <p>Khóa bảo vệ lan can Khung nâng/ hạ giường CPR thủ công Bánh xe</p> <p>- Tính năng chọn thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nệm bọt hoặc Visco • Khóa trung tâm (125mm) • Bảng điều khiển • Mặt giường được bao phủ bởi HPL • Giường mở rộng • Pin dự phòng • Đèn ngủ • Cọc tự nâng 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước tổng thể D x R x C: 1995 x 900 x 550 – 930 mm. - Bánh xe có đường kính: 125mm. - Bánh xe cân có đường kính: 90mm. <p>Monitor 5 thông số</p> <p>Đặc điểm hiển thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình LCD TFT 15,6 inch (Có thể lựa chọn thêm màn hình cảm ứng) - Độ phân giải: 1366x768 - Hiển thị được 12 sóng cùng lúc <p>Các thông số theo dõi</p> <p>■ ECG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu đạo trình: Lựa chọn 3/5/12 đạo trình - Dạng sóng hiển thị: 2 kênh, 7 kênh, 12 kênh - Chọn độ nhạy: 2.5mm/mV, 5mm/mV, 10mm/mV, 20 mm/mV - Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50mm/s - Băng thông - Chế độ chẩn đoán: 0,05 Hz ~ 100 Hz - Chế độ màn hình: 0,5 Hz ~ 40 Hz - Chế độ Phẫu thuật: 1Hz ~ 20Hz - Lọc: 5 Hz ~ 20Hz - CMRR> 100dB <p>■ RESP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Đo trở kháng qua lồng ngực - Đạo trình đo: I, II - Tăng sóng: × 0,25, × 0,5, × 1, × 2 - Phạm vi an toàn trở kháng hô hấp: 0,5-5Ω - Trở kháng cơ bản: 500-4000Ω - Gain: 10 điểm - Tốc độ quét: 6,25 mm / s, 12,5 m <p>■ NIBP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: Tự động - Chế độ đo: người lớn, trẻ em, sơ sinh - Chế độ đo: tự động, bằng tay, liên tục - Độ phân giải: 1mmHg - Lỗi trung bình tối đa: ± 5 mmHg - Độ lệch chuẩn tối đa: 8 mmHg - Điều chỉnh thời gian đo (Interval): 1, 3, 4, 5, 10, 15, 30, 60, 90, 120, 180, 240, 480 phút - Dải áp suất: 0-280mmHg - Dải đo: 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<ul style="list-style-type: none"> + Áp suất tâm thu (mmHg): Người lớn 40-270, trẻ em: 40-200, trẻ sơ sinh: 40-135 + Áp suất tâm trương (mmHg): Người lớn 10-210, trẻ em: 10-150, trẻ sơ sinh: 10-95 + Áp suất trung bình(mmHg): Người lớn 20-230, trẻ em: 20-165, trẻ sơ sinh: 20-105 - Đo lường độ chính xác - Sai số trung bình tối đa: ± 5 mmHg - Độ lệch chuẩn tối đa: 8 mmHg - Độ phân giải: 1 mmHg - Khoảng thời gian: 1, 2, 3, 4, 5, 10, 15, 30, 60, 90, 120, 180, 240, 480 phút - Dải áp suất: 0-280 mmHg 		
6	Máy khí dung siêu âm	<p>I. Yêu cầu chung Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485 Năm sản xuất: 2025 trở về sau. Tình trạng mới 100% Bảo hành: 12 tháng</p> <p>II. Yêu cầu cấu hình <i>Cấu hình (cho 01 máy):</i> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 chiếc <i>Phụ kiện bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Bình nước: 01 chiếc - Nắp cốc thuốc: 01 chiếc - Dây xông cỡ M: 01 chiếc - Miếng ngậm: 01 chiếc - Cốc thuốc: 02 chiếc - Dây nguồn: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ </p> <p>III. Chỉ tiêu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Máy sử dụng công nghệ siêu âm tạo hạt khí dung, dung lượng lớn, hoạt động liên tục có thể lên tới 72h - Có màn hình Led (hoặc tương đương) hiển thị thông tin - Có chức năng điều chỉnh tốc độ xông và thể tích dòng khí, thời gian xông </p>	3	Cái
7	Máy khử rung tim	<p>I. Yêu cầu chung Sản phẩm mới 100% Năm sản xuất: 2025 Nhà sản xuất phải có giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485</p>	1	Cái

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>II. Yêu cầu cấu hình Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn của nhà sản xuất, gồm: 01 bộ Dây nối điện tim ECG: 01 cái Mỡ tiếp xúc: 01 tuýp Cáp nối kèm điện cực tạo nhịp ngoài: 01 bộ Máy in nhiệt kèm trong máy: 01 cái Ắc quy: 01 cái Giấy in: 01 cuộn Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng thiết bị: 01 bộ</p> <p>III. Tính năng và thông số kỹ thuật</p> <p>1. Tính năng chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là loại máy phá rung tim 2 pha sử dụng mức năng lượng thấp - Công nghệ 2 pha đảm bảo tuyệt đối an toàn cho bệnh nhân - Có chức năng hướng dẫn hoạt động trên màn hình <p>2. Thông số kỹ thuật Chức năng máy sốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại sốc: bằng tay, đồng bộ và tự động sốc ngoài (AED); - Năng lượng tối đa: $\geq 270J$ - Độ chính xác năng lượng: $\leq \pm 0.5J$ (tại 2J), $\leq \pm 1J$ (tại 3J), $\leq \pm 2J$ (tại 5 đến 15J), $\leq \pm 10\%$ (tại 20 đến 270J) - Dạng sóng ra: hai pha, năng lượng không thay đổi - Thời gian nạp: ≤ 5 giây đến 270J và ≤ 4 giây đến 200J - Hiển thị năng lượng nạp: hiển thị giá trị năng lượng nạp trên màn hình - Có xả năng lượng đồng bộ - Kích thước bản sốc: khoảng 60 x 88mm cho người lớn và 32 x 60 mm cho trẻ em <p>Khuyếch đại điện tim ECG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: ít nhất bao gồm x1/4, x1/2, x1, x2, x4 - Tần số đáp ứng: qua cáp ECG, ≤ 0.05 đến ≥ 150 Hz (-3dB) - Thời gian phục hồi đường nền: ≤ 3 giây sau khi sốc tại 270J <p>Dải đếm nhịp tim:</p>		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng ≤ 15 đến ≥ 300 bpm ở chế độ sóc và chế độ theo dõi - Khoảng ≤ 15 đến ≥ 220 bpm ở chế độ tạo nhịp - Trở kháng đầu vào: qua cáp điện tim: $5M\Omega$ - CMRR: ≥ 100 dB - Lọc AC: ≤ -20 dB <p>Tạo nhịp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ rộng xung: khoảng 40 ms - Tần số tạo nhịp: ≤ 30 đến ≥ 180 ppm - Cường độ dòng điện: khoảng 8 đến 200 mA; mỗi bước tăng 1 mA - Chế độ tạo nhịp: khi đặt và cố định <p>Màn hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại màn hình: là loại màn hình LCD màu - Kích thước: ≥ 6.5 inches - Độ dài sóng quét: ≥ 95 mm - Tốc độ quét: 25, 50 mm/sec (cho ECG); - Hiển thị tham số: nhịp tim; <p>Tiêu chuẩn an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với tiêu chuẩn IEC hoặc tương đương <p>Máy in:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ in: in nhiệt - Tốc độ giấy: lựa chọn 25 và 50mm/giây <p>Ắc quy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ắc quy sạc trong máy với thời gian sạc khoảng 3 giờ - Có thể đánh ≥ 100 lần sóc tại 270J, dung lượng ≥ 2800 mAh 		
8	Modum hợp khối hệ thống xử lý nước thải bệnh viện	<p>BỂ ĐIỀU HOÀ (BỂ BTCT HIỆN TRẠNG)</p> <p>Bơm nước thải bể thu gom Lưu lượng: $Q_{max} = 0.36m^3/min$ Cột áp: $H_{max} = 12,5$ m</p> <p>Bơm nước thải bể thu gom Lưu lượng: $Q_{max} = 0.36m^3/min$ Cột áp: $H_{max} = 12,5$ m</p> <p>Phao báo mức Dạng phao điện Điện áp: 220VAC/50Hz</p> <p>Hệ thống đường ống công nghệ và phụ kiện Ống uPVC và phụ kiện</p>	1 1 3 1	Cái Cái Bộ HT

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		Van 1 chiều, van 2 chiều Giá đỡ đường ống Inox304 Vật tư phụ Hệ thống đường ống sục khí và phụ kiện <i>Đĩa sục khí đảo trộn nước</i> Lưu lượng: Q = 2 - 25 m ³ /h Kích thước: DxH = 105x45mm Vật liệu khung đĩa: Nhựa PP Vật liệu màng đĩa: EPDM Đường ống cấp khí và phụ kiện Ống Inox304 và phụ kiện Ống uPVC và phụ kiện Van 2 chiều Vật tư phụ	1	HT
		BỂ SINH HỌC THIỂU KHÍ (CỤM BỂ LẤP ĐẶT MỚI) Máy khuấy trộn đặt chìm Lưu lượng: Q = 1,8 m ³ /phút Công suất: P = 0,4 kW Điện áp: 3pha/380V/50Hz	1	Cái
		Thanh dẫn hướng máy khuấy chìm Vật liệu: Inox304 Bao gồm: bộ đế, xích kéo và thanh dẫn hướng Vật tư phụ	1	Bộ
		Bồn chứa hóa chất Dung tích: 300 lít Vật liệu: Nhựa LLDPE	1	Cái
		Bơm định lượng hóa chất Lưu lượng: Q = 32 l/h Cột áp: H = 4 Bar Công suất: P = 0,04 kW Điện áp: 1pha/220V/50Hz	1	Cái
		Hệ thống đường ống cấp hóa chất và phụ kiện Ống uPVC và phụ kiện Van 1 chiều, van 2 chiều Giá đỡ Inox304 Vật tư phụ	1	HT
		Hệ thống đường ống công nghệ và phụ kiện	1	HT

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>Ống uPVC và phụ kiện Giá đỡ đường ống Inox304 Vật tư phụ</p> <p>BỂ SINH HỌC HIỆU KHÍ (CỤM BỂ HỢP KHỐI HIỆN TRẠNG)</p> <p>Bơm chìm tuần hoàn nước thải Lưu lượng: Q = 0,94 m3/phút Cột áp: H = 0.02 Mpa</p> <p>Hệ thống đường ống cấp khí và phụ kiện</p> <p>Đĩa phân phối khí tinh Lưu lượng: Q = 1,5 - 8 m3/h Vật liệu khung đĩa: Nhựa PP Vật liệu màng đĩa: EPDM</p> <p>Đường ống cấp khí Ống uPVC và phụ kiện Van 2 chiều Giá đỡ ống SUS304 Vật tư phụ</p> <p>Bơm chìm tuần hoàn nước thải Lưu lượng: Q = 4 m3/h Cột áp: H = 6 m Công suất: P = 0.4 kW Điện áp: 1pha/220V/50Hz</p> <p>Hệ thống đường ống công nghệ và phụ kiện Ống uPVC và phụ kiện Van 1 chiều, van 2 chiều Giá đỡ đường ống Inox304 Vật tư phụ</p> <p>Khung cô lập giá thể Vật liệu: Inox304</p> <p>BỂ SINH HỌC HIỆU KHÍ (CỤM BỂ HỢP KHỐI LẮP ĐẶT MỚI)</p> <p>Hệ thống đường ống cấp khí và phụ kiện</p> <p>Đĩa phân phối khí tinh Lưu lượng: Q = 1,5 - 8 m3/h Vật liệu khung đĩa: Nhựa PP Vật liệu màng đĩa: EPDM</p> <p>Đường ống cấp khí Ống uPVC và phụ kiện</p>	<p>2</p> <p>1</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>1</p>	<p>Cái</p> <p>HT</p> <p>Cái</p> <p>HT</p> <p>HT</p> <p>HT</p>

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
		<p>Vật tư phụ</p> <p>BỂ CHỨA BÙN THẢI</p> <p>CỤM BỒN XỬ LÝ HỢP KHỐI NƯỚC THẢI (LẮP ĐẶT BỔ SUNG ĐÁP ỨNG CÔNG NGHỆ)</p> <p>Cụm bồn xử lý hợp khối Kích thước: DxL = 1,9x6,3m Vật liệu: Composite Loại: Chôn ngầm dưới đất Bao gồm đai cố định thân bồn</p>	1	Cái
		<p>Bệ cố định bồn xử lý Kích thước: LxBxH = 6,5x2,1x0,25m Vật liệu: BTCT mac 250 Bao gồm: Tai kết nối đai thép cố định bồn</p>	1	Cái
		<p>HỆ THỐNG ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN</p> <p>Tủ điện điều khiển (hệ thống hiện trạng)</p>	1	Tủ
		<p>Tủ điện điều khiển (cho các thiết bị lắp đặt mới) Vỏ tủ: Thép sơn tĩnh điện, 2 lớp cánh Thiết bị đóng cắt</p>	1	Tủ
		<p>Vật tư phụ</p> <p>Hệ thống dây dẫn từ tủ điện đến các thiết bị xử lý Cáp điện từ tủ đến các thiết bị chạy điện Ống luồn dây và đai ôm <i>(Bao gồm cáp kết nối từ tủ điện dự án đến tủ điện điều khiển hệ thống)</i></p>	1	HT
		<p>Chi phí khác</p> <p>Chi phí vệ sinh và làm sạch bể hiện trạng</p>	1	HT
		Chi phí đào hố đặt bồn, hoàn trả mặt bằng hiện trạng	1	HT
		Chi phí vận chuyển và lắp đặt hoàn thiện hệ thống	1	HT
		Chi phí vận hành chạy thử, hiệu chỉnh lại thiết bị, Test thử và phân tích mẫu nước.	1	HT
		Chi phí hóa chất, vi sinh phục vụ vận hành chạy thử, đào tạo vận hành và chuyển giao công nghệ (trong vòng 30 ngày)	1	HT

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng /khối lượng	ĐVT
Tổng cộng: 8 khoản				

PHỤ LỤC 02 – MẪU BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các

thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

